TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 20 /2026/QĐST- DS.	*Bắc Ninh, ngày 06 tháng 05 năm 2026.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 85; Điều 86; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 134; Điều 138; Điều 116; Điều 117; Điều 122 BLDS.

Căn cứ vào Điều 106 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ vào Điều 152 Luật đất đai năm 2024.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 04 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án tranh chấp: "Tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu" thụ lý số: 56/2026/TLST-DS ngày 05 tháng 03 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

** Nguyên đơn:* 1/ Nguyễn Văn T, sinh năm 1984.

2/ Nguyễn Thị H, sinh năm 1984.

- Trú tại: Thôn R, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh.

** Bị đơn:* 1/ Anh Giáp Văn T1, sinh năm 1989.

- Trú tại: Thôn B, xã N, tỉnh Bắc Ninh.

2/ Anh Trình Văn H1, sinh năm 1968.

- Trú tại: Thôn C, xã N, tỉnh Bắc Ninh.

** Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Chu Thị T2, sinh năm 1967..

- Trú tại: Thôn C, xã N, tỉnh Bắc Ninh.

2/ Trần Thị T3, sinh năm 1993.

- Trú tại: Thôn B, xã N, tỉnh Bắc Ninh.

3/ UBND xã N do bà Phạm Thị H2 - Trưởng phòng kinh tế xã N là đại diện theo ủy quyền.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng QSD đất có số chứng thực: 383, quyển sổ số: 01/2021-SCT/HĐ, GD, ký kết ngày 13/8/2021 giữa vợ chồng ông Trình Văn H1, sinh năm 1968, bà Chu Thị T2, sinh năm 1967 (Địa chỉ: Thôn C, xã N, tỉnh Bắc Ninh) và ông Giáp Văn T1, sinh năm 1991 (Địa chỉ: Thôn B, xã N, tỉnh Bắc Ninh) đối với diện tích đất có số vào sổ cấp GCNQSD đất: H02580 cấp ngày 11/4/2007 tại thửa đất số 04, tờ bản đồ số: 04, diện tích 100 m2 đất ở nông thôn (Địa chỉ thửa đất: Thôn B, xã N, tỉnh Bắc Ninh) theo hồ sơ số: 5202 ngày 17/08/2021 bị vô hiệu.

2.2. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng QSD đất có số chứng thực: 445, quyển sổ số: 01/2021-SCT/HĐ, GD, ký kết ngày 22/9/2021 giữa vợ chồng Nguyễn Văn T4, sinh năm 1984, Nguyễn Thị H, sinh năm 1984 (Đều trú tại: Thôn R, xã T, tỉnh Bắc Ninh và vợ chồng ông Giáp Văn T1, sinh năm 1991, bà Trần Thị T3, sinh năm 1993 (Địa chỉ: Thôn B, xã N, tỉnh Bắc Ninh) đối với diện tích đất có số vào sổ cấp GCNQSD đất: H02580 cấp ngày 11/4/2007 tại thửa đất số 04, tờ bản đồ số: 04, diện tích 100 m2 đất ở nông thôn (Địa chỉ thửa đất: Thôn B, xã N, tỉnh Bắc Ninh) theo hồ sơ số: 6595 ngày 24/9/2021 bị vô hiệu.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 24, Khoản 7 Điều 26 nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Vợ chồng anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị H phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị H đã nộp theo biên lai thu số: 0001581 ngày 02/03/2026 của Phòng thi hành án dân sự Khu vực 5 - Bắc Ninh. Trả lại anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị H số tiền 150.000 đồng.

4. Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản: Tổng số tiền chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản là: 2.800.000 đồng. Các bên đương sự thỏa thuận vợ chồng anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị H nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định, định định giá tài sản. Vợ chồng anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị H nộp đủ.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND Khu vực 5 – Bắc Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 5 – Bắc Ninh;
- Cổng thông tin điện tử TAND tối cao;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Hiếu